

Phụ lục

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI CỦA THÔNG TƯ SỐ 83/2026/TT/BTC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2026 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH QUY ĐỊNH TIÊU CHUẨN HOẠT ĐỘNG ĐẠI LÝ LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN; TỔ CHỨC THI, CẤP CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ KHAI HẢI QUAN; QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐẠI LÝ LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN, NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN

(Kèm theo công văn số: /CHQ-GSQL ngày /7/2026 của Cục Hải quan)

1. Bổ sung Điều 3 quy định tiêu chuẩn hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, tiêu chuẩn nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan, gồm:

“Điều 3. Tiêu chuẩn hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, tiêu chuẩn nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

1. Tiêu chuẩn đối với đại lý làm thủ tục hải quan:

a) Là doanh nghiệp được thành lập và đang hoạt động theo quy định của pháp luật. Người đứng tên thành lập doanh nghiệp không thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 6 Điều 11 Thông tư này;

b) Có hạ tầng công nghệ thông tin thực hiện khai hải quan điện tử, gồm: phần mềm khai hải quan, chữ ký số, internet, hệ thống máy tính để phục vụ khai hải quan điện tử và các tiêu chuẩn khác theo quy định pháp luật có liên quan;

c) Có nhân viên đủ tiêu chuẩn là nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan;

d) Không thuộc danh sách đại lý làm thủ tục hải quan không được hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan do vi phạm các quy định trong quá trình hoạt động đại lý hải quan theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 8 Thông tư này.

2. Tiêu chuẩn đối với nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan:

a) Là công dân Việt Nam, đủ 18 tuổi trở lên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Có trình độ cao đẳng trở lên;

c) Có chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan được cấp theo quy định tại Thông tư này. Trường hợp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan quá thời hạn 05 (năm) năm kể từ ngày cấp thì phải hoàn thành khóa đào tạo bổ sung kiến thức pháp luật hải quan theo quy định tại khoản 7 Điều 11 Thông tư này. Khóa đào tạo bổ sung kiến thức được thực hiện trong thời gian 03 (ba) năm tính đến thời điểm doanh nghiệp gửi thông báo hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đến Cục Hải quan;

d) Tham gia đầy đủ chương trình cập nhật kiến thức theo quy định tại khoản 7 Điều 11 Thông tư này;

đ) Được cơ quan hải quan cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định;

e) Không thuộc danh sách cá nhân không được cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan do vi phạm các quy định trong quá trình hoạt động nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan quy định tại điểm g khoản 6 Điều 11 Thông tư này.”

2. Bổ sung Điều 4 quy định nguyên tắc hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

“Điều 4. Nguyên tắc hoạt động đại lý làm thủ tục về hải quan, nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

1. Tại một thời điểm, người có chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan chỉ được hoạt động, cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan tại 01 (một) đại lý làm thủ tục hải quan. Trường hợp nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan khi chuyển sang làm việc cho đại lý làm thủ tục hải quan khác thì phải thực hiện hủy bỏ mã số đã được cấp trước đó và thực hiện cấp mã số tại đại lý làm thủ tục hải quan mới theo quy định tại Thông tư này.

2. Mỗi nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan phải được cấp tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu hải quan điện tử riêng; không được sử dụng chung tài khoản với các nhân viên khác.

3. Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan không được cho người khác sử dụng mã số, tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan của mình để thực hiện việc khai và làm thủ tục hải quan; không được sử dụng mã số, tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan của người khác hoặc sử dụng mã số không phải do Cục trưởng Cục Hải quan cấp để làm thủ tục hải quan; không được khai và làm thủ tục hải quan khi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan hết thời hạn sử dụng.

4. Người đại diện theo pháp luật của đại lý làm thủ tục hải quan chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kinh doanh dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan.

5. Tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan không được hoạt động khi bị tạm dừng, thu hồi quyền hoạt động dịch vụ làm thủ tục về hải quan trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.”

3. Sửa đổi, bổ sung quy định về hình thức đăng ký tham gia kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan tại khoản 1 Điều 5; sửa đổi, bổ sung quy định về hình thức thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan tại điểm b khoản 3 Điều 5:

- “1. Căn cứ thông báo của Hội đồng thi, người đăng ký dự thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến Cục Hải quan theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này, bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng trở lên và một (01) ảnh màu 3x4cm chụp trong thời gian 03 (ba) tháng tính đến thời điểm dự thi để thực hiện việc cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan;

ghi rõ họ tên, năm sinh, số thẻ căn cước công dân hoặc số căn cước tại tên tệp ảnh. Người đăng ký dự thi phải là công dân Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

Trường hợp hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Cục Hải quan gặp sự cố, trong thời hạn 02 giờ làm việc kể từ khi hệ thống gặp sự cố, Chủ tịch Hội đồng thi có trách nhiệm thông báo thay đổi phương thức đăng ký dự thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan trên Cổng Thông tin điện tử Cục Hải quan hoặc các phương tiện truyền thông khác.”

- “b) Hình thức thi: Thi trắc nghiệm trên máy tính. Cục Hải quan quy định thời gian làm bài thi, nhưng không quá 120 phút/môn thi. Trường hợp vì lý do bất khả kháng dẫn đến không thể tổ chức thi trắc nghiệm trên máy tính thì giao Chủ tịch Hội đồng thi quyết định hình thức thi;”

4. Bổ sung quy định về hủy bỏ giá trị chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan tại khoản 4 Điều 6:

“4. Cục Hải quan hủy bỏ giá trị của chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan đối với các trường hợp sau:

a) Kê khai không trung thực các nội dung trong hồ sơ dự thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan, hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan;

b) Sửa chữa, giả mạo hoặc gian lận về bằng cấp, giấy chứng nhận điểm thi trong hồ sơ dự thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan, hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan;

c) Thi hộ người khác hoặc nhờ người khác thi hộ trong kỳ thi lấy chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan;

d) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan bị xử lý hành vi vi phạm các quy định của pháp luật đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

đ) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan bị xử lý đối với hành vi buôn lậu; vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới; sản xuất, buôn bán hàng cấm; trốn thuế hoặc hối lộ cán bộ, công chức hải quan trong quá trình làm thủ tục hải quan;

e) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan cho người khác sử dụng mã số của mình hoặc sử dụng mã số của người khác hoặc sử dụng mã số không phải do Cục trưởng Cục Hải quan cấp để làm thủ tục hải quan; hoặc cho người khác sử dụng hồ sơ của mình để thông báo đủ tiêu chuẩn hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan hoặc cấp mã nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan;

g) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan sử dụng mã số đã hết thời hạn hiệu lực để làm thủ tục hải quan.”

5. Bổ sung quy định tại Điều 7 về hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan:

“Điều 7. Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan

1. Đại lý làm thủ tục hải quan là doanh nghiệp đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này, trong phạm vi được ủy quyền theo thỏa thuận trong hợp đồng ký với người có hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (sau đây gọi là chủ hàng), thay mặt chủ hàng thực hiện toàn bộ hoặc một phần nghĩa vụ của người khai hải quan quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật Hải quan.

2. Khi cung cấp dịch vụ làm thủ tục hải quan, đại lý làm thủ tục hải quan (người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền theo quy định của pháp luật) phải ký hợp đồng đại lý với chủ hàng. Người được cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan thực hiện việc khai và làm thủ tục hải quan trên cơ sở hợp đồng đã ký với chủ hàng. Đại lý làm thủ tục hải quan chỉ xuất trình hợp đồng cho cơ quan hải quan để xác định trách nhiệm của các bên khi có hành vi vi phạm pháp luật về hải quan.

3. Doanh nghiệp đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này có văn bản thông báo, đề nghị cấp quyền hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan và đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo mẫu số 04 kèm tài liệu minh chứng gửi Cục Hải quan qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến Cục Hải quan.

4. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của doanh nghiệp, Cục trưởng Cục Hải quan kiểm tra thông tin, trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng tiêu chuẩn thì Cục Hải quan phản hồi về việc không đáp ứng tiêu chuẩn cho doanh nghiệp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến; trường hợp doanh nghiệp đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này thì Cục Hải quan thực hiện cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan và cấp quyền đại lý làm thủ tục hải quan trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, doanh nghiệp thực hiện và tự chịu trách nhiệm đối với hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.

5. Trong quá trình hoạt động, trường hợp đại lý làm thủ tục hải quan có thay đổi các thông tin liên quan đến giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tiêu chuẩn hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan thì phải thông báo cho Cục Hải quan qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày thay đổi thông tin.

6. Trường hợp đại lý làm thủ tục hải quan có Chi nhánh tại các tỉnh, thành phố nếu Chi nhánh đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 3 Thông tư này và có thông báo gửi Cục Hải quan theo quy định tại Điều này thì được cấp quyền hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.”

6. Bổ sung quy định tại Điều 11 về mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan, đào tạo bổ sung kiến thức pháp luật về hải quan cho nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

“Điều 11. Mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

1. Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này và được đại lý làm thủ tục hải quan gửi thông

báo đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo Mẫu số 06 ban hành kèm Thông tư này kèm tài liệu chứng minh đến Cục Hải quan qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Cục Hải quan thì được cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo của doanh nghiệp, trường hợp không đủ tiêu chuẩn cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan thì Cục Hải quan có trách nhiệm phản hồi, thông báo cho tổ chức, cá nhân qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến; trường hợp đáp ứng đủ các tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này thì Cục Hải quan cấp mã số nhân viên, tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan cho nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

Mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan trùng với số căn cước công dân hoặc số căn cước của nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan khai trên văn bản đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan và có giá trị trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày doanh nghiệp thông báo cấp mã và được Cục Hải quan chấp thuận.

3. Trong quá trình hoạt động, trường hợp có thay đổi thông tin liên quan đến mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan, chữ ký số và tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu hải quan điện tử của nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan, hoặc trường hợp phải hủy bỏ mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan quy định tại khoản 6 Điều này thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, đại lý làm thủ tục hải quan thông báo cho Cục Hải quan qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Cục Hải quan để được cập nhật thông tin lên hệ thống.

4. Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được gia hạn thời gian sử dụng mã số khi đã hoàn thành khóa đào tạo bổ sung kiến thức pháp luật hải quan.

Trước khi hết thời hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan, đại lý làm thủ tục hải quan có thông báo gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư này gửi Cục Hải quan qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Cục Hải quan. Thời gian gia hạn là 03 (ba) năm kể từ ngày hết hạn của mã số. Mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan không được gia hạn thì bị hủy bỏ khi hết thời hạn mã số.

Trường hợp nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan không hoàn thành khóa đào tạo bổ sung kiến thức pháp luật hải quan hoặc đại lý làm thủ tục hải quan không thông báo việc gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan thì khi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan hết thời hạn sử dụng Cục Hải quan hủy bỏ mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan đã cấp, khóa tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan của nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

5. Các đối tượng không được cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan:

a) Người bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù;

c) Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;

d) Cán bộ, công chức thôi giữ chức vụ nhưng đang trong thời hạn quy định không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã theo quy định tại Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng;

đ) Các trường hợp bị hủy bỏ mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 6 Điều này.

6. Cục Hải quan thực hiện hủy bỏ mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan, khóa tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan của nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan trong các trường hợp sau:

a) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan bị xử lý hành vi vi phạm các quy định của pháp luật đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan bị xử lý đối với hành vi buôn lậu; vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới; sản xuất, buôn bán hàng cấm; trốn thuế hoặc hối lộ cán bộ, công chức hải quan trong quá trình làm thủ tục hải quan;

c) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan cho người khác sử dụng mã số, tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan của mình hoặc sử dụng mã số, tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan của người khác hoặc sử dụng mã số không phải do Cục trưởng Cục Hải quan cấp để làm thủ tục hải quan; hoặc cho người khác sử dụng hồ sơ của mình để thực hiện thực hiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan hoặc cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; hoặc không thực hiện đúng quy định về trách nhiệm của nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Thông tư này và các quy định pháp luật về hải quan;

d) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan sử dụng mã số đã hết thời hạn hiệu lực để làm thủ tục hải quan;

đ) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan chuyển làm việc khác hoặc chuyển sang làm việc cho đại lý làm thủ tục hải quan khác hoặc chấm dứt hợp đồng lao động;

e) Đại lý làm thủ tục hải quan bị thu hồi quyền hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan;

g) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan bị hủy bỏ mã số thuộc các trường hợp a, b, c, d khoản này thì bị hủy bỏ giá trị chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan đã được cấp và không được cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày bị hủy bỏ mã số. Trong thời gian không

được hành nghề, nếu cá nhân trên đứng tên thành lập doanh nghiệp thì doanh nghiệp này không được hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.

7. Việc đào tạo bổ sung kiến thức pháp luật hải quan do các trường cao đẳng, đại học, học viện, trường bồi dưỡng cán bộ có khoa chuyên ngành hải quan thực hiện, trên cơ sở thống nhất chương trình đào tạo với Cục Hải quan có thời lượng tối thiểu 03 ngày (8 tiết/ngày).

Cục Hải quan thông báo danh sách các trường cao đẳng, đại học, học viện, trường bồi dưỡng cán bộ đã thống nhất chương trình đào tạo với Cục Hải quan trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan. Hàng năm, các trường tổ chức đào tạo bổ sung kiến thức xây dựng kế hoạch đào tạo và thông báo về Cục Hải quan trước ngày 30 tháng 01 để Cục Hải quan thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan. Các trường tổ chức đào tạo bổ sung kiến thức và thông báo cho Cục Hải quan về danh sách học viên hoàn thành khóa học, bao gồm các chỉ tiêu thông tin theo yêu cầu của Cục Hải quan để phối hợp thực hiện quản lý nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.”

7. Bổ sung quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 14 về trách nhiệm của cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra tiêu chuẩn hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan và nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo kế hoạch định kỳ hoặc khi có thông tin vi phạm; và xây dựng hệ thống để kết nối, chia sẻ dữ liệu đại lý làm thủ tục hải quan, nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư:

“1. Thực hiện kiểm tra tiêu chuẩn hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hoạt động và việc thực hiện các quy định tại Luật Hải quan và Thông tư này của đại lý làm thủ tục hải quan và nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo kế hoạch định kỳ hoặc khi có thông tin vi phạm.”

“4. Xây dựng hệ thống để kết nối dữ liệu quản lý đại lý làm thủ tục hải quan, nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để giám sát, chia sẻ với các cơ quan liên quan.”

8. Sửa đổi, bổ sung các mẫu văn bản thông báo hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

9. Thông tư đã loại bỏ các quy định:

- Bỏ quy định về phúc khảo kết quả thi, bảo lưu kết quả thi và miễn thi một số môn thi tại Điều 3 Thông tư số 12/2015/TT-BTC;

- Bỏ thủ tục công nhận đại lý làm thủ tục hải quan quy định tại Điều 6 Thông tư số 12/2015/TT-BTC

- Bỏ quy định tại tiết a.3 và a.4 điểm a khoản 1 Điều 7 Thông tư số 12/2015/TT-BTC về trường hợp tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đối với:

“a.3) Không thực hiện chế độ báo cáo hoặc thực hiện chế độ báo cáo không đúng, không đủ về nội dung hoặc không đúng thời hạn với cơ quan hải quan theo quy định tại Điều 13 Thông tư này trong 03 lần liên tiếp;

a.4) Đại lý làm thủ tục hải quan có văn bản đề nghị tạm dừng hoạt động.”

- Bộ Thủ tục hành chính về cấp mã số, gia hạn mã số, cấp lại mã số, thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan tại Điều 9 Thông tư số 12/2015/TT-BTC;

- Bộ quy định về chế độ báo cáo định kỳ tình hình hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan quy định tại Điều 10 Thông tư số 12/2015/TT-BTC